

Bản án số: 02/2018/ST-HNGĐ

Ngày: 16-01-2018

V/v: *tranh chấp ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T. , THÀNH PHỐ H.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phương T

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị H

2. Ông Đỗ Quang L

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Phương Ánh Ng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T. , thành phố H. tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố L-Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 01 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận T. , thành phố H. xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 483/2017/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp “*ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 283/2017/QĐXX-ST ngày 30 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị T. – sinh năm 1979

Cư trú tại: P407- C1, tập thể Thanh Xuân Bắc, quận T. , thành phố H. (có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: anh Vũ Hà Đ. – Sinh năm 1977;

Nơi cư trú cuối cùng: P408- A4, Tập thể cơ khí H. , phường TĐ. , quận T. , thành phố H. .

Hiện không rõ địa chỉ (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 04 tháng 10 năm 2017, chị Nguyễn Thị T. có đơn khởi kiện vụ án hôn nhân và gia đình, yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: xin ly hôn với anh Vũ Hà Đ. .

Về nuôi con chung: có 01 con chung là: Vũ Huy Hoàng, sinh ngày 06.10.2012 . Chị T. có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung khi ly hôn, không yêu cầu anh Đ. cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản, nhà ở, vay nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã xuất trình các tài liệu, chứng cứ sau:

1- 01 Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân phường Thanh Xuân Bắc, quận T. cấp (bản chính).

2- Bản sao Giấy khai sinh của Vũ Huy Hoàng.

3- Xác nhận tình trạng chung sống của vợ chồng.

4- Bản sao sổ hộ khẩu gia đình.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận T. đã tổng đạt các văn bản tố tụng đến địa chỉ cư trú của anh Vũ Hà Đ. tại P408, tập thể Cơ khí H. , phường TĐ. , quận T. , thành phố H. nhưng không gặp trực tiếp được. Theo kết quả xác minh tại Công an phường TĐ. , quận T. , thành phố H. , anh Vũ Hà Đ. không còn ở địa chỉ trên, anh Đ. đi đâu, làm gì công an phường không nắm được. Do vậy, Tòa án nhân dân quận T. đã tiến hành thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng thông qua hình thức niêm yết tại nơi cư trú, tại Ủy ban nhân dân phường nơi anh Đ. cư trú và tại trụ sở Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay

Chị Nguyễn Thị T. vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Vũ Hà Đ. , có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Huy Hoàng, không yêu cầu anh Đ. cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề tài sản.

Anh Vũ Hà Đ. đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T. , thành phố H. phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự giải quyết vụ án; Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, đã được

thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T. đối với anh Vũ Hà Đ. , chị T. được ly hôn với anh Đ. ; Về con: xác nhận Chị T. và anh Đ. có 01 con chung là: Vũ Huy Hoàng sinh ngày 06.10.2012. Giao con chung Vũ Huy Hoàng sinh ngày 06.10.2012 cho chị T. trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Vũ Hà Đ. cho đến khi con trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác; về tài sản chung vợ chồng: hai bên không có yêu cầu giải quyết về tài sản nên không xem xét, tách giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi các bên đương sự có yêu cầu; về án phí: Chị Nguyễn Thị T. phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tố tụng: Theo đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T. đề ngày 04.10.2017, chị T. chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu xin ly hôn với anh Vũ Hà Đ. và yêu cầu giao nuôi con khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung. Căn cứ Điều 188, 195, 200, 146 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án chỉ xem xét giải quyết về hôn nhân và giao nuôi con, không giải quyết tài sản chung vợ chồng.

Anh Vũ Hà Đ. có hộ khẩu thường trú tại Phòng 408, A4, tập thể cơ khí H. , phường TĐ. , quận T. , thành phố H. . Quá trình chung sống với chị Nguyễn Thị T. , anh Vũ Hà Đ. và chị Nguyễn Thị T. cùng chung sống với nhau tại địa chỉ trên. Điều này được thể hiện trong các tài liệu, chứng cứ gồm: Sổ hộ khẩu gia đình số 240853006, chủ hộ là ông Vũ Ngọc Minh; Căn cước công dân số 024077000161 do Cục trưởng Cục cảnh sát đăng ký quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư cấp cho anh Vũ Hà Đ. ngày 25.02.2016; Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn; Giấy khai sinh của con chung Nguyễn Huy Hoàng; xác nhận của Công an phường TĐ. . Theo cung cấp của chị Nguyễn Thị T. và kết quả xác minh tại Công an phường TĐ. , kể từ tháng 12/2013 đến nay, anh Vũ Hà Đ. đã không còn ở địa chỉ cư trú trên và không biết đi đâu. Theo hướng dẫn tại Điều 5 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05.5.2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, chị Nguyễn Thị T. đã cung cấp đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện là anh Vũ Hà Đ. và là nơi cư trú cuối cùng. Việc anh Vũ Hà Đ. bỏ đi, thay đổi nơi

cư trú mà không thông báo cho chị Nguyễn Thị T. biết theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án giải quyết theo thủ tục chung. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận T. đã đến nơi cư trú cuối cùng của anh Vũ Hà Đ. làm thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng nhưng không tổng đạt được do anh Đ. vắng mặt tại nơi cư trú, điều này đã được Công an phường TĐ. xác nhận bằng Biên bản xác minh ngày 14.11.2017 nên theo quy định tại khoản 5 Điều 177, Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo quyền và nghĩa vụ tố tụng, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa gồm: Niêm yết bản chính tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T. và Ủy ban nhân dân phường TĐ. là nơi cư trú cuối cùng, niêm yết bản sao tại nơi cư trú cuối cùng của anh Vũ Hà Đ. , đồng thời lập biên bản về việc thực hiện thủ tục niêm yết công khai, ghi rõ ngày, tháng, năm niêm yết.

Căn cứ khoản 4 Điều 207 vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được, Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa hôm nay, anh Đ. vắng mặt, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh Vũ Hà Đ. .

[2] Về hôn nhân: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, có cơ sở xác định: Chị Nguyễn Thị T. và anh Vũ Hà Đ. đăng ký kết hôn ngày 14.3.2013 tại Ủy ban nhân dân phường Thanh Xuân Bắc, quận T. . Trước khi kết hôn, anh chị đã chung sống với nhau và có 01 con chung. Sau khi đăng ký kết hôn, chị T. và anh Đ. vẫn tiếp tục chung sống với nhau tại P 408, nhà A4, khu tập thể cơ khí, phường TĐ. , quận T. , thành phố H. . Vợ chồng chung sống một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, từ tháng 10/2013 chị T. đã đưa con về nhà mẹ đẻ sinh sống cho đến nay. Từ tháng 12/2013, anh Đ. cũng không ở tại nơi cư trú mà bỏ đi nơi khác, không thông báo địa chỉ cư trú mới cho chị T. biết. Nay, chị Nguyễn Thị T. xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên kiên quyết xin ly hôn với anh Đ. . Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T. và anh Đ. đã trở nên trầm trọng, thể hiện ở việc hai bên đã không cùng chung sống với nhau từ cuối năm 2013 cho đến

nay, không yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình, thực tế hai bên không có cuộc sống chung, cuộc hôn nhân chỉ còn tồn tại về danh nghĩa, nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T. .

[3] Về nuôi con chung: Chị T. và anh Đ. có 01 con chung là: Vũ Huy Hoàng, sinh ngày 06.10.2012, hiện nay đang do chị T. trực tiếp nuôi dưỡng.

Khi ly hôn, chị T. có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, chị T. là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung từ năm 2013 cho đến nay và theo kết quả xác minh tại địa phương, chị T. không thuộc trường hợp hạn chế giao nuôi con. Mặt khác, hiện nay anh Vũ Hà Đ. không có mặt tại nơi cư trú. Do vậy, căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, giao con chung Vũ Huy Hoàng cho chị T. trực tiếp nuôi dưỡng.

Về mức cấp dưỡng: Chị T. không yêu cầu anh Đ. cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Đ. cho đến khi chị T. có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

Anh Đ. có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về chia tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T. là nguyên đơn trong vụ án không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản khi ly hôn nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Ngoài các yêu cầu trên, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

[5] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Nguyễn Thị T. phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Căn cứ vào Điều 27, 63, 227, 220, 264, 266, 267, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 19, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T. và anh Vũ Hà Đ. .

2- Về nuôi con chung:

2.1. Giao con Vũ Huy Hoàng (nam- sinh ngày 06.10.2012) cho chị Nguyễn Thị T. trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Vũ Hà Đ. cho đến khi chị Nguyễn Thị T. có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

Anh Vũ Hà Đ. được quyền đi lại trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

3- Về chia tài sản: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không giải quyết. Các bên có quyền khởi kiện vụ án chia tài sản chung vợ chồng sau ly hôn khi có yêu cầu.

4- Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T. phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn; được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Thoa đã nộp theo biên lai số 08010 ngày 20.10.2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận T. , thành phố H. .

7- Án xử công khai sơ thẩm. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận T. ;
- Thi hành án dân sự quận T. ;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

Phương Thảo

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN

HỘI THẨM NHÂN DÂN

